

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

***Về việc tranh chấp ly hôn  
và nuôi con khi ly hôn***

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phan Thị Đang**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Ông Nguyễn Ngọc Quyền**

**Bà Nguyễn Hồng Lành**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 44/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, về việc: "***Tranh chấp ly hôn và nuôi con***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 69/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị **Cao H Tr** – sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp A, xã X, huyện H, tỉnh T.

*Bị đơn:* Anh **Lâm Th L** – sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp, xã X, huyện H, tỉnh T.

Chị Tr và anh Lạc vắng mặt tại phiên tòa

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tr trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trg xác định chị và anh L sống chung từ năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được

Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do trong thời gian sống có nhiều mâu thuẫn, nên chị và anh L không sống chung nhau khoảng hai năm, do cả hai không còn tình cảm với nhau, nên chị Tr yêu cầu ly hôn anh L.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung chị Tr và anh L có 03 con chung là Lâm Th L sinh ngày 30/11/2019, Lâm Kh D, sinh ngày 31/8/2012 và Lâm Th L, sinh ngày 19/3/2015.

Hiện tại Lâm Th L sống chung chị Tr, chị Tr yêu cầu khi ly hôn được tiếp tục nuôi Lâm Th L; Còn Lâm Kh D và Lâm Th L sống chung anh L gần hai năm nay, chị Trg đồng ý giao Lâm Kh D và Lâm Th L cho anh L trực tiếp nuôi khi ly hôn.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trg xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Lời trình bày của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn:* Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do; Anh L không có đơn đề nghị vắng mặt, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Tr.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Lâm Thanh Lạc chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

- + Về hôn nhân: Cho chị Cao H Tr ly hôn anh Lâm Th L;
- + Về con: Giao cháu Lâm Th L cho chị Tr nuôi, giao cháu Lâm Kh D và Lâm Th L cho anh L nuôi.
- + Tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết;
- + Chị Tr phải chịu án phí 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên; Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khi chị Tr yêu cầu ly hôn anh L, anh L có nơi cư trú tại xã X, huyện H; Nên Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Tr có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr và anh L là phù hợp quy định tại Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

- Chị Tr xác định chị và anh L tự nguyện sống chung từ năm 2011 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã X cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Do đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến việc chị Tr và anh L đã không sống chung nhau khoảng 02 năm nay, do hiện tại cả hai không còn tình cảm với nhau, nên chị Tr yêu cầu ly hôn anh L.

- Về phía anh L: Ngay từ khi thụ lý vụ án này, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và có văn bản triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định pháp luật, anh L đã biết được yêu cầu ly hôn và giao con chung của chị Tr tại Tòa án đối với anh, nhưng anh không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của anh L đối với ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Tr đối với anh Lạc. Điều này chứng tỏ anh L đã không còn yêu thương chị Tr không mong muốn cuộc sống chung với chị Tr và đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh và chị Tr, không mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị Tr.

- Từ việc chị Tr trình bày về thời gian chị và anh L không sống chung khoảng 02 năm, đến việc trong thời gian dài này chị Tr và anh L không tới lui thăm nom nhau, còn anh L thì được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án, cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án, cho thấy hôn nhân của chị Tr và anh L đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr, cho chị Tr được ly hôn anh L.

[4] Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Chị Tr và anh L có 03 người con chung là Lâm Th L, sinh ngày 30/11/2019, Lâm Kh D, sinh ngày 31/8/2012 và Lâm Th L, sinh ngày 19/3/2015.

+ Chị Tr yêu cầu được nuôi cháu Lâm Th L, xét thấy cháu L đã có cuộc sống chung chị Tr, anh L cũng không tranh chấp nuôi cháu L với chị Tr, nên Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị Tr trực tiếp nuôi.

+ Đối với cháu Lâm Kh D và Lâm Th L đã có cuộc sống chung anh L, chị Tr cũng đồng ý giao cho anh L nuôi, anh L không có ý kiến gì khác. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu D và cháu L không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử giao cháu D

và cháu L cho anh L tiếp tục nuôi. Chị Tr và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Tr xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung; Anh L không có yêu cầu về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp như Hội đồng xét xử phân tích nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Cao H Tr chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ, chuyển sang thu án phí.

- Anh L không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Chị Cao H Tr được ly hôn anh Lâm Th L.

2. Về con chung:

- Về quyền trực tiếp nuôi con: Giao cháu Lâm Th L, sinh ngày 30/11/2019 cho chị Tr trực tiếp nuôi; Giao cháu Lâm Kh D, sinh ngày 31/8/2012 và Lâm Th L, sinh ngày 19/3/2015 cho anh L trực tiếp nuôi. Chị Tr và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr và anh L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Buộc chị Cao H Tr phải chịu án phí số tiền 300.000đ, chị Tr đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005015 ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long số tiền 300.000đ, chuyển thu án phí số tiền 300.000đ.

- Anh Lâm Th L không phải chịu án phí.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Thị Đang**